**NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - FAHASA**

* *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII thông qua ngày 26/11/2014;*
* *Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khá XI thông qua ngày 29/06/2006;*
* *Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017;*
* *Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017.*

| **STT** | **NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH** | **NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG** | **CĂN CỨ PHÁP LÝ** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Căn cứ :**   * *Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11, đã được Quốc Hội Khóa XI của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 29-11-2005.* * *Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16-11-2004 của Chính Phủ về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần.* * *Thông tư số 126/2004/TT-BTC ngày 24-12-2004 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16-11-2004 của Chính phủ về chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần.* * *Quyết định số 4551/QĐ-UBND ngày 31/8/2005 của Chủ tịch UBND TP.HCM về việc phê duyệt Phương án CPH và chuyển Công ty Phát hành sách TP.HCM thành Công ty cổ phần Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)*   Chúng tôi, gồm những cổ đông Công ty Cổ phần Phát hành sách TP.HCM FAHASA cùng chấp thuận và cam kết thực hiện theo bản điều lệ công ty (kể cả những bổ sung, sửa đổi hợp pháp điều lệ sau này) gồm các điều khoản như sau | Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày ... tháng ... năm 2020. | *Sửa đổi phù hợp với quy định mới* |
|  | Điểm a, khoản 1, Điều 1 a. "Vốn điều lệ": là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được ghi vào điều lệ Công ty; | Điểm a, khoản 1, Điều 1 a.Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này; | *Sửa đổi phù hợp với Khoản 1, Điều 111 LDN2014* |
|  | Điểm k, khoản 1, Điều 1 b. "Luật Doanh nghiệp": Luật Doanh nghiệp được Quốc Hội thông qua vào ngày 29 tháng 11 năm 2005; | Điểm b, khoản 1, Điều 1 b. "Luật doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; | *Sửa đổi phù hợp với Luật doanh nghiệp năm 2014* |
|  | **Không quy định** | Điểm c, khoản 1, Điều 1c."Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 cùng các văn bản hướng dẫn có liên quan; | *Bổ sung cho phù hợp* |
|  | **Không quy định** | Điểm d, khoản 1, Điều 1 d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu; | *Bổ sung cho phù hợp* |
|  | **Không quy định** | **Điểm e, Khoản 1, Điều 1**  e."Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng được Hội đồng quản trị phê chuẩn. | *Bổ sung cho phù hợp phù hợp Khoản 5, Điều 2, NĐ71* |
|  | Điểm j, khoản 1, Điều 1 đ. "Người có liên quan": Bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Điều lệ này và trong Luật Doanh nghiệp; | Điểm f, khoản 1, Điều 1 "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán; | *Sửa đổi theo quy định của Khoản 9 Điều 2 NĐ71/2017/NĐ-CP* |
|  | **Không quy định** | Điểm g, khoản 1, Điều 1 "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán | *Bổ sung cho phù hợp phù hợp Khoản 3, Điều 2, NĐ71* |
|  | **Không quy định** | Điểm h, khoản 1, Điều 1 h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết; | Bổ sung vào giải thích thuật ngữ để dễ hiểu |
|  | **Không quy định** | Điểm i, khoản 1, Điều 1 i. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam | Bổ sung vào giải thích thuật ngữ để dễ hiểu |
|  | Điểm c, khoản 1, Điều 1 c. “Cổ đông”: Là thể nhân hay pháp nhân, được ghi tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người chủ sở hữu của một hoặc nhiều cổ phần của Công ty. | Điểm j, khoản 1, Điều 1 j. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần |  |
|  | **d.“Cổ phần”:** Là các phần hùn vốn có giá trị ngang nhau tạo thành vốn Điều lệ của Công ty.  **e.“Cổ phiếu”:** Là chứng chỉ góp vốn do Công ty phát hành hay bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.  **f.“Cổ tức”:** Là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận sau thuế của Công ty để trả cho mỗi cổ phần.  **g.“Nhóm cổ đông”:** Cổ đông của Công ty có thể tự thỏa thuận với nhau để hợp nhóm nhằm mục đích thực hiện các quyền của cổ đông.  **h.“Đại hội đồng cổ đông”:** Đại hội đồng cổ đông thường niên hay bất thường.  **i.“Hội đồng”:** Hội đồng quản trị của Công ty.  **l.“Pháp luật”:** Tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động của Công ty.  **m.Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành** là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm | **Không quy định** |  |
|  |  | **II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY** | *Bổ sung cho phù hợp* |
|  | 1. **Hình thức và tư cách pháp lý*.*** 2. **Hình thức pháp lý**   Công ty cổ phần Phát hành sách TP.HCM (FAHASA) (gọi tắt là Công ty) là Công ty được thành lập dưới hình thức chuyển từ Doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.  Công ty cổ phần Phát hành sách TP.HCM Fahasa được thừa hưởng toàn bộ quyền lợi và trách nhiệm của Công ty Phát hành sách TP.HCM.   * 1. **Tư cách pháp lý**   Công ty cổ phần Phát hành sách TP.HCM (FAHASA) là Công ty :   * + - * Thuộc sở hữu của các cổ đông.       * Có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, độc lập về tài chính, có tài khoản riêng được mở tại các ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của Pháp luật.       * Có điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, chịu sự quản lý của các cơ quan có thẩm quyền theo luật định.       * Có vốn điều lệ và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn trong phạm vi vốn điều lệ.       * Hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.   Có bảng cân đối kế toán riêng, có tài sản riêng, được lập các quỹ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, có quyền tự quyết định một cách độc lập trong quá trình hoạt động của Công ty. | **Không quy định** | *Nội dung này đã quy định chung trong Luật DN.* |
|  | Điều 4 Địa chỉ: 60-62 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM  Điện thoại: 8.225.446 – 8.223.988  Fax: 8.225.795 Email: fahasa-sg@hcm.vnn.vn  Việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính, giải thể chi nhánh hoặc thành lập thêm chi nhánh mới sẽ do Hội đồng quản trị (HĐQT) quyết định, đảm bảo thủ tục theo Luật định, thông báo cho Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) vào kỳ họp gần nhất | Khoản 3, khoản 4 Điều 2 3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:  - Địa chỉ: 60-62 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM  - Điện thoại: (84) 0283.8225.446 – (84) 0283.8223.988  - Fax: (84) 0283.225.795  - E-mail: [fahasa-sg@com.vn](mailto:fahasa-sg@com.vn)  - Website: <https://fahasasg.com.vn/>  4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép | *Sửa theo số điện thoại, số fax thực tế.* |
|  | Khoản 2 Điều 6 Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều lệ này, Thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.  Công ty có thể chấm dứt hoạt động khi bị giải thể, phá sản hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Việc giải thể, phá sản Công ty được quy định tại Chương VII của Điều lệ này và các quy định của pháp luật về giải thể, phá sản.  Công ty có phạm vi hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và ngoài nước theo quy định của pháp luật. | Khoản 5 Điều 2 5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 51, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn. |  |
|  | **Điều 7. Người đại diện theo pháp luật**  Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ này. | Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty  1. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc theo quyết định của Hội đồng quản trị..  2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 14 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.  3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.  4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty. 5. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty. | *Sửa đổi cho phù hợp với cấu trúc của Điều lệ mẫu*  *Sửa đổi phù hợp với Khoản 5, Điều 13, Luật DN 2014* |
|  | **Khoản 1, Điều 6**   * + - * Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.       * Công ty có thể tiến hành bất kỳ hình thức kinh doanh nào khác được pháp luật cho phép mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty. | **Điều 5 Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty**  1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.  2. Công ty được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. | *Sửa đổi phù hợp điểm a, Khoản 1, Điều 33 LDN2014*  *Sửa đổi phù hợp Khoản 1, Điều 7 LDN2014* |
|  | **Điều 8. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị – xã hội khác**   1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn và các tổ chức chính trị – xã hội trong Công ty hoạt động theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của tổ chức đó. 2. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện cho các tổ chức trên hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình và phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty. | **Không quy định** |  |
|  | **Điều 9.** **Quyền hạn của Công ty**   * Sở hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Công ty; * Lựa chọn ngành, nghề, địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư kể cả liên doanh, góp vốn vào doanh nghiệp khác, chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh; * Lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn; Được chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu; được thế chấp các tài sản hoặc giá trị quyền sử dụng đất thuộc quyền quản lý của Công ty tại các ngân hàng để vay vốn sản xuất kinh doanh theo qui định của pháp luật. * Quản lý, sử dụng vốn do các cổ đông góp để thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Quyết định của Hội đồng quản trị và pháp luật hiện hành. * Tuyển chọn, đào tạo, sử dụng lao động hoặc cho thôi việc theo qui định của luật pháp, tổ chức bộ máy nhân sự, lựa chọn hình thức trả lương, thưởng phù hợp với mục tiêu và nội dung hoạt động của Công ty và qui định của pháp luật. * Tự chủ sản xuất kinh doanh, liên doanh, liên kết, góp vốn cổ phần, mua, thuê tài sản theo qui định của pháp luật và Điều lệ này. Chủ động áp dụng phương thức quản lý khoa học, hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh. * Thành lập, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, chuyển hoặc giải thể các chi nhánh, đơn vị phụ thuộc và văn phòng đại diện ở trong và ngoài nước để hỗ trợ các mục tiêu của công ty phù hợp với Điều lệ này và trong phạm vi luật pháp cho phép. * Quyết định phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sau khi đã thực hiện đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và trích lập các quỹ theo Điều lệ. * Khởi kiện các hành vi xâm hại tới quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty.   Các quyền khác do Pháp luật quy định | **Không quy định** |  |
|  | **Điều 10. Nghĩa vụ của Công ty**   * + - Kinh doanh đúng các ngành, nghề đã đăng ký; xây dựng chiến lược sản xuất, kinh doanh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công ty và nhu cầu thị trường.     - Tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, về sự tăng trưởng và bảo toàn vốn của Công ty.     - Chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của mình, chịu trách nhiệm vật chất trong phạm vi vốn điều lệ.     - Lập sổ sách kế toán, ghi chép sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ và lập báo cáo tài chính trung thực, chính xác theo qui định của pháp luật về kế toán, thống kê và chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.     - Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật;     - Kê khai và định kỳ báo cáo chính xác, đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và tình hình tài chính của Công ty với cơ quan đăng ký kinh doanh.     - Tuân thủ quy định của Pháp luật về quốc phòng, an ninh , trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường và phòng cháy chữa cháy.     - Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động theo qui định của Luật lao động.     - Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật | **Không quy định** |  |
|  | **Điều 11. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ**   * + Vốn điều lệ được góp bằng đồng Việt Nam hoặc bằng ngoại tệ hoặc bằng tài sản hữu hình hoặc bằng những giá trị tài sản vô hình do người góp và Công ty thỏa thuận theo quy định của Pháp luật được hạch toán và quy đổi theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Việt Nam đồng (VNĐ). * Vốn điều lệ của Công ty do cổ đông của Công ty tự nguyện đóng góp dưới hình thức mua cổ phiếu. Vốn điều lệ được góp đủ một lần ngay khi phát hành cổ phiếu.   **11.1. Vốn điều lệ :**  - Vốn điều lệ của Công ty là 91*.082.770.000* đồng Việt Nam (Bằng chữ : *Chín* *mươi mốt tỷ, không trăm tám hai triệu, bảy trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn*).  - Số vốn này được chia thành : 9*.108.277* cổ phần (Chín triệu một trăm lẻ tám ngàn hai trăm bảy mươi bảy cổ phần)  - Mệnh giá mỗi cổ phần : 10.000 đồng (Mười ngàn đồng)  **11.2. Cơ cấu vốn điều lệ :**  Cơ cấu vốn của các cổ đông như sau:  - Cổ đông Nhà nước : góp *30,5%* vốn điều lệ, tương ứng *2.777.749* cổ phần  - Cổ đông khác : góp 69*,5%* vốn điều lệ, tương ứng với *6.330.528* cổ phần.   * 1. **Vốn điều lệ được sử dụng cho các hoạt động :** * Vốn điều lệ được dùng để mua sắm tài sản cố định, máy móc trang thiết bị, mở rộng qui mô hoạt động của Công ty. * Phát triển kỹ thuật, công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường. * Cung cấp vốn lưu động cho các hoạt động kinh doanh. * Đầu tư vào sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực hoạt động của Công ty. * Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn, liên doanh ... khi xét thấy cần phải đầu tư vì lợi ích của Công ty. * Các đầu tư cần thiết về bất động sản.   **Điều 12.** **Tăng giảm vốn điều lệ**   * + 1. **Vốn điều lệ của Công ty được điều chỉnh tăng trong các trường hợp sau :** * Phát hành cổ phiếu mới để huy động thêm vốn theo quy định của Pháp luật. Trong trường hợp này giá cổ phiếu phát hành mới có thể cao hoặc thấp hơn mệnh giá cổ phần ghi trong Điều lệ, do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng không thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán cổ phiếu đó, ngoại trừ những cổ phiếu được ưu tiên bán cho các cổ đông cũ. Phần chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá sẽ được hạch toán theo qui định của pháp luật. * Chuyển đổi trái phiếu đã phát hành thành cổ phần : Việc tăng vốn điều lệ chỉ được thực hiện khi đã đảm bảo đủ các điều kiện để trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần theo quy định của pháp luật và phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi. * Thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu. * Chuyển từ các quỹ và/hoặc lợi nhuận giữ lại thành cổ phần cho các cổ đông. * Phát hành cổ phiếu mới để thực hiện sáp nhập một bộ phận hoặc toàn bộ doanh nghiệp khác vào Công ty.   1. **Vốn điều lệ của công ty được điều chỉnh giảm trong các trường hợp sau :**   Giảm vốn điều lệ khi nhu cầu về vốn của Công ty giảm do Công ty thay đổi ngành nghề kinh doanh, tổ chức lại với quy mô nhỏ hơn trước  **Điều 13. Cổ phần**   1. Vốn điều lệ Công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là "cổ phần". Cổ phần là đơn vị sở hữu vốn nhỏ nhất của Công ty. 2. Tại thời điểm thành lập, Công ty chỉ có một loại cổ phần duy nhất là cổ phần phổ thông (”cổ phần”), và người sở hữu loại cổ phần này là cổ đông phổ thông (”cổ đông”). Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết. 3. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định có thêm loại cổ phần khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Ngược lại cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.   Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau | **Điều 6.** **Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**  1. Vốn điều lệ của Công ty là 91.082.770.000 đồng Việt Nam *(Bằng chữ: Chín mươi mốt tỷ, không trăm tám mươi hai triệu, bảy trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn)*.  Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 9.108.277 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đ (Mười ngàn đồng) / 1 cổ phần.  2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.  3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.  4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.  6. Chào bán cổ phần  Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.  Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây :   1. Chào bán cho các cổ đông hiện hữu. 2. Chào bán ra công chúng. 3. Chào bán cổ phần riêng lẻ. 4. Hình thức khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.   Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.  7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.  8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật. | *Sửa đổi cho phù hợp với quy định hiện hành.* |
|  | **Điều 14.** **Chứng chỉ cổ phiếu – Sổ đăng ký cổ đông**  **14.1. Chứng chỉ cổ phiếu :**  - Mọi cổ đông đều có quyền được cấp một chứng chỉ cổ phiếu nhất định.  - Mọi chứng chỉ cổ phiếu phát hành phải được đóng dấu Công ty và có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ này nêu rõ số lượng và loại cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu, họ và tên người nắm giữ, số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty, ngày phát hành cổ phiếu và các thông tin khác mà Luật Doanh nghiệp quy định.  - Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong sổ đăng ký cổ đông liên quan đến một cổ phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp miễn phí một chứng chỉ cổ phiếu (trong trường hợp phát hành) trong vòng một tháng sau khi mua hoặc chuyển nhượng.  - Trường hợp chuyển nhượng toàn bộ cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh thì chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và một chứng chỉ mới sẽ được cấp miễn phí cho người nhận chuyển nhượng.  - Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.  Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây :  a.Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy.  b.Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.  Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.  **14.2. Sổ đăng ký cổ đông**  - Công ty lập và lưu trữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.  - Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau :  + Tên Công ty, địa chỉ văn phòng Công ty.  + Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán, số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.  + Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.  + Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân ; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở đối với cổ đông là tổ chức.  + Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.  - Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vảo sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông. | **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**  1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.  2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.  3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.  4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty | *Sửa đổi phù hợp với thực tế và Sửa đổi phù hợp Khoản 1, Điều 120 LDN2014* |
|  | **Không quy định** | **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**  Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty. | *Sửa đổi cho phù hợp với thực tế* |
|  | **Điều 8. Chào bán cổ phần**   * + 1. Hội đồng quản trị quyết định giá chào bán cổ phần. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường của cổ phần tại thời điểm chào bán, trừ các trường hợp :        - Cổ phần chào bán lần đầu tiên khi thành lập Công ty.        - Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện nắm giữ.        - Trong trường hợp cổ phần chào bán cho người làm môi giới hoặc người làm bảo lãnh, giá chào bán cổ phần không thấp hơn giá thị trường của cổ phần trừ đi phần hoa hồng dành cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Hoa hồng được xác định bằng tỷ lệ phần trăm của giá trị cổ phần tại thời điểm chào bán.  1. Cổ phần đã được bán hoặc đã được chuyển nhượng khi đã ghi đúng và đủ những thông tin theo quy định của pháp luật vào sổ đăng ký cổ đông, kể từ thời điểm đó người mua cổ phần hoặc người nhận chuyển nhượng cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.   Thủ tục và trình tự chào bán cổ phần phải tiến hành theo đúng quy định của Pháp luật | **Không quy định** | *Nội dung này đã quy định rõ tại các Điều 122, 124, 125 Luật DN* |
|  | **Điều 16. Chuyển nhượng cổ phần**  **16.1.** Tất cả cổ phần của công ty đều được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và Luật pháp có qui định khác. Cổ đông khi chuyển nhượng cổ phần phải đăng ký tại trụ sở chính của công ty.  Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và ngưởi nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của công ty.  Sau thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.  **16.2.** Hội đồng quản trị hoàn toàn có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng bất kỳ cổ phần ghi danh nào chưa được thanh toán đầy đủ.  **16.3** Việc chuyển nhượng cổ phần tạm ngưng trong vòng 15 ngày trước ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông | **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**  1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.  2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật. | *Sửa đổi cho phù hợp với thực tế* |
|  | **Điều 17. Thừa kế cổ phần**   * + 1. Công ty tôn trọng quyền thừa kế cổ phiếu hợp pháp theo quy định của Pháp luật. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp, thì họ phải cử 01 (một) đại diện sở hữu duy nhất dưới hình thức ủy quyền có công chứng. Trường hợp có di chúc hợp pháp đã có phân chia cụ thể cho những người được thừa kế hoặc có sự thỏa thuận hợp pháp giữa những người được thừa kế thì sẽ được phân chia sở hữu tương ứng với số cổ phần được thừa kế. Công ty không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế hợp pháp.     2. Người có quyền thừa kế hợp pháp được đăng ký làm sở hữu chủ cho các cổ phiếu được thừa kế để trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế.     3. Việc thừa kế quyền sở hữu cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các chức danh quản lý khác trong Công ty không kèm việc thừa kế tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các chức danh quản lý khác trong Công ty | **Không quy định** | *Nội dung này thực hiện theo quy định của Luật DN và các văn pháp luật có liên quan.* |
|  | **Điều 18. Mua lại cổ phần theo đề nghị của cổ đông**   1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông qui định trong điều lệ Công ty có thể đề nghị Công ty mua lại cổ phần của mình.   Đề nghị phải lập bằng văn bản, trong đó, nêu rõ tên, địa chỉ cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Đề nghị phải được gởi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về vấn đề nói tại khoản này.   1. Công ty mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông qui định tại khoản 1 điều này với giá thị trường hoặc giá thỏa thuận trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp không thỏa thuận được về giá, thì các bên có quyền yêu cầu Trọng tài hoặc Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật | **Không quy định** | *Nội dung này đã quy định rõ tại các Điều 129 Luật DN* |
|  | **Điều 19. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty**   1. Việc mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty được thực hiện theo Điều 91, Luật doanh nghiệp 2005 trừ trường hợp có nghị quyết khác đi của Đại hội đồng cổ đông không trái với pháp luật nước CHXHCNVN. 2. Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần loại khác đã bán theo qui định sau đây :    * + - Việc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Hội đồng quản trị quyết định.        - Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp qui định tại khoản 3 điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác, thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường. 3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông báo. Thông báo phải có tên và trụ sở Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty. Cổ đông phải gởi chào bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. | **Không quy định** | *Nội dung này đã quy định rõ tại các Điều 130 Luật DN* |
|  | **Điều 20. Điều kiện thanh toán và xử lý cổ phần được mua lại**   1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 19 của Bản điều lệ này, nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác. 2. Tất cả các cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 19 của Bản điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán trong số cổ phần được quyền chào bán | **Không quy định** | *Nội dung này đã quy định rõ tại các Điều 131 Luật DN* |
|  | **Điều 21. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại**  Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với qui định tại khoản 1 Điều 92 của Luật doanh nghiệp 2005 hoặc trái với qui định của Điều lệ Công ty thì tất cả cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận; trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và thành viên HĐQT phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ của Công ty. | **Điều 10. Thu hồi cổ phần**  1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.  2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiếu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.  3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.  4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.  5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương công bố) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.  6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo. | *Bổ sung làm rõ đối với cổ phần bị thu hồi* |
|  | **Điều 22. Cổ đông**   1. Cổ đông của Công ty cổ phần FAHASA là pháp nhân hoặc thể nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty. Thể nhân phải đủ 18 tuổi và có đủ năng lực hành vi dân sự. Trường hợp chưa đủ tuổi hoặc không đủ năng lực hành vi dân sự thì phải có người giám hộ theo luật định. 2. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại Công ty. 3. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông 4. Cổ đông sáng lập Công ty là các tổ chức và cá nhân có đủ các điều kiện sau :    * + - Tham gia hoặc ủy quyền cho người đại diện tham gia thông qua Điều lệ lần đầu của Công ty.        - Cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán.        - Sở hữu số lượng cổ phần đảm bảo mức tối thiểu là 2% toàn bộ số cổ phần của Công ty ở thời điểm Đại hội đồng cổ đông thành lập được tổ chức. 5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập được lập theo qui định của Luật doanh nghiệp nêu tại Phụ lục đính kèm. 6. Người đại diện theo pháp luật của cổ đông tại Công ty.  * Người đại diện cho cổ đông là pháp nhân là người được pháp nhân cử đại diện phần vốn góp theo giấy ủy quyền hoặc văn bản được lập theo quy định của pháp luật với điều kiện người được ủy quyền phải có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi. Người được ủy quyền làm đại diện không được ủy quyền lại cho người khác. * Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự làm đại diện cho mình tại Công ty. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác. Giấy ủy quyền phải có xác nhận của UBND phường. * Cổ đông có nhu cầu thay đổi người ủy quyền phải có đơn gởi Hội đồng quản trị xem xét và phải lập lại thủ tục ủy quyền nêu trên. * Cổ đông có thể tự mình hoặc tự tổ chức thành nhóm để đề cử một người đại diện tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Giấy ủy quyền phải có đủ chữ ký của người ủy quyền và ngưởi nhận ủy quyền. * Trường hợp một cổ đông pháp nhân mới được sáp nhập, hợp nhất từ cổ đông cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của pháp nhân cũ, thì cổ đông pháp nhân mới này phải gởi cho Hội đồng quản trị các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc kế thừa để Hội đồng quản trị xử lý về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần, cổ tức đúng theo Điều lệ và Pháp luật qui định. * Trường hợp cổ đông pháp nhân giải thể thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc cá nhân khác theo quyết định của Hội đồng giải thể của pháp nhân đó | **Không quy định** |  |
|  | **Khoản 1, Điều 23. Quyền của cổ đông**  Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà cổ đông nắm giữ. | **Khoản 1, Điều 12. Quyền của cổ đông**  1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. |  |
|  | **Khoản 2, Điều 23. Quyền của cổ đông**  2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:  a. Tham dự hoặc cử đại diện tham dự và biểu quyết tất cả những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Việc cử đại diện phải được lập thành văn bản, mỗi văn bản chỉ có giá trị một lần. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;  b. Nhận cổ tức;  c. Tự do chuyển nhượng cổ phiếu theo quy định của Điều lệ này và Luật pháp;  d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;  e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến mình trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia vào Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;  f. Trong trường hợp Công ty bị giải thể, được nhận tài sản của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ; các nghĩa vụ và sau các cổ đông ưu đãi;  g. Đề nghị Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định trong Điều 18 của Điều lệ này;  h. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật. | **Khoản 2, Điều 12. Quyền của cổ đông**  2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:  a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;  b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;  c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;  d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;  e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác  f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;;  g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;  h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;  i. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. | *Sửa đổi phù hợp với Điều 114, LDN2014* |
|  | **Khoản 23, Điều 23. Quyền của cổ đông**  **23.3** Cổ đông Nhà nước thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo qui định tại Điều 45, 46 Nghị định 199/2004/NĐ-CP ngày 3/12/2004 của Chính phủ | **Không quy định** |  |
|  | **Khoản 4 Điều 23. Quyền của cổ đông**  **23.4**. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên, có các quyền sau:  a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tại các Điều 38.2 và 42.7 tương ứng;  b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông;  c. Xem và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông; | **Khoản 3, Điều 12. Quyền của cổ đông**  3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:  a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;  b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;  c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;  d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;  đ. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. | *Căn cứ khoản 2 Điều 114 LDN 2014* |
|  | **Khoản 1, Điều 24. Nghĩa vụ của các cổ đông**  Cổ đông có các nghĩa vụ sau:  **24.1** Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế; các quyết định của Hội đồng quản trị và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Giám sát và góp ý kiến về hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty, Ban kiểm soát. | **Khoản 1, Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**  Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:  1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. | *Sửa đổi cho phù hợp* |
|  | **Khoản 4, Điều 24. Nghĩa vụ của các cổ đông**  **24.4** Tham dự và biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo các hình thức đã được quy định tại bản điều lệ này. Nếu không thực hiện nghĩa vụ này, cổ đông được xem như đã từ bỏ quyền lợi của mình và mọi sự khiếu nại sẽ không được chấp nhận. | **Khoản 2, Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**  2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/ bầu cử thông qua các hình thức sau:  a. Tham dự và biểu quyết/ bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;  b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết/ bầu cử tại cuộc họp;  c. Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;  d. Gửi phiếu biểu quyết/ bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. | *Sửa đổi cho phù hợp Khoản 2 Điều 140 LDN2014* |
|  | **Khoản 2, Điều 24. Nghĩa vụ của các cổ đông**  **24.2** Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định, chịu trách nhiệm về số lỗ của Công ty tương ứng với tỷ lệ số cổ phần mình sở hữu và chỉ chịu trách nhiệm về những khoản nợ của Công ty trong phạm vi số cổ phần của mình | **Khoản 3, Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**  3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định. |  |
|  | **Không quy định** | **Khoản 4, Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**  4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. |  |
|  | **Khoản 3, Điều 24. Nghĩa vụ của các cổ đông**   * 1. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động kinh doanh của Công ty; | **Không quy định** |  |
|  | **Không quy định** | **Khoản 6, Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**  6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:  a. Vi phạm pháp luật;  b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;  c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Công ty. | *Sửa đổi cho phù hợp*  *Lưu ý: Khoản 6 Điều 96 Luật DN 2014 dùng cụm từ: “rủi ro tài chính”* |
|  | **Điều 25.** **Chi trả cổ tức**   * + 1. Cổ tức là lợi tức của năm kinh doanh trích từ lợi nhuận của Công ty để trả cho mỗi cổ phần. Công ty chỉ trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo qui định của pháp luật và ngay khi trả hết cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.   Trường hợp trả cổ tức trái với qui định trên, thì tất cả cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận; trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho công ty thì cổ đông đó và thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ của công ty.   * + 1. Chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức, Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả. Thông báo về trả cổ tức phải được gởi đến tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ số cổ phần của cổ đông, tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.     2. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.     3. Tùy theo tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng, Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông với mức tạm ứng thích hợp.     4. Cổ đông đến nhận cổ tức sau thời hạn thông báo sẽ không được tính lãi | **Không quy định thành Điều riêng do Điều 44 đã quy định về việc phân phối lợi nhuận.** |  |
|  | **Điều 27. Đại hội đồng cổ đông**   1. **Đại hội đồng cổ đông.**    * Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần, do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.    * Tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu đều được tham dự Đại hội đồng cổ đông thành lập, Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường theo Khoản 1 điều 32 của Điều lệ này. 2. **Đại hội đồng cổ đông thành lập.**  * Đại hội đồng cổ đông thành lập là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần đầu tiên do Trưởng ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp triệu tập. * Nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông thành lập :   + - * Thảo luận và thông qua điều lệ, phương án hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.       * Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.  1. **Đại hội đồng cổ đông bất thường.**   Trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Người quản lý quy định tại Điều 37.3 của Điều lệ này, Hội đồng quản trị ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao hoặc phát sinh những vấn đề bất thường ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo yêu cầu của một trong số những người hoặc nhóm người sau đây :   * + Chủ tịch Hội đồng quản trị.   + Ít nhất 2/3 số thành viên của Ban kiểm soát nhưng trong đó phải có Trưởng ban kiểm soát.   + Tổng Giám đốc   + Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng.   Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu nêu trên. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp, Ban kiểm soát sẽ phải triệu tập cuộc họp cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp, những cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có yêu cầu nêu trên có thể triệu tập cuộc họp này.  Tất cả chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp các cổ đông sẽ do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.   1. **Đại hội đồng cổ đông thường niên.**   Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập hàng năm và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do Hội đồng quản trị quy định tùy từng thời điểm. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ này quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo | **Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**  1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.  2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.  3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:  a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;  b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;  c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này.  d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;  e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;  f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.  4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường  a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;  b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;  c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.  Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại. | *Sửa đổi phù hợp Khoản 4, Điều 8 NĐ 71/2017/NĐ-CP*  *Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 3 Điều 136 Điều lệ Công ty*  *Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 3 Điều 114, Khoản 3 Điều 156 LDN 2014*  *Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 3 Điều 114, Khoản 3 Điều 156 LDN 2014*  *Sửa đổi phù hợp với Điểm d Khoản 1, Điều 1.*  *Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 4 Điều 136 Điều lệ Công ty* |
|  | **Khoản 1, Điều 28. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**   1. **Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau :**    1. Báo cáo tài chính hàng năm ;    2. Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình Công ty ;    3. Báo cáo của Hội đồng quản trị ;    4. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty | **Khoản 1, Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**  1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:  a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;  b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;  c. Báo cáo của Ban kiểm soát;  d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;  e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;  f. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. |  |
|  | **Khoản 2, Điều 28. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**   1. **Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua Nghị quyết về các vấn đề sau :**    1. Phê chuẩn các báo cáo tài chính hàng năm ;    2. Mức cổ tức được thanh toán hàng năm theo đề nghị của Hội đồng quản trị phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;    3. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;    4. Bầu, miễn nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;    5. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;    6. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ;    7. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;    8. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;    9. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;    10. Giao dịch mua hoặc bán tài sản Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo sổ sách kế toán tại thời điểm gần nhất; Công ty mua hoặc mua lại lớn hơn 10% tổng số cổ phần thuộc bất kỳ loại nào đang phát hành;    11. Công ty ký kết hợp đồng với những người quy định tại điều 162 của Luật Doanh nghiệp 2014.    12. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này | **Khoản 2, Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**  2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:  a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;  b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;  c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;  d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;  đ. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;  e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;  g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;  h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;  i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;  j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;  k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;  l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;  m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;  n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;  o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. | *Sửa đổi phù hợp Khoản 2, Điều 135 LDN 2014* |
|  | **Không quy định** | **Khoản 3, 4 Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**  3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:  a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;  b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.  4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông | *Quy định để phù hợp với thực tế* |
|  | **Không quy định** | **Điều 16. Đại diện theo ủy quyền**  1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.  2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:  a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;  b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;  c. Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.  Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.  3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).  4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 16, phiếu biểu quyết/bầu cử của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:  a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;  b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;  c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.  Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại | *Quy định để phù hợp với Điều 140 Luật DN* |
|  | **Không quy định** | **Điều 17. Thay đổi các quyền**  1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.  2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.  3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại | *Quy định cho phù hợp Khoản 1 Điều 144 LDN 2014* |
|  | **Điều 30. Thể thức triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông**   1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau :    1. Lập một danh sách các cổ đông có quyền dự họp tại Đại hội đồng cổ đông không sớm hơn 5 ngày trước ngày gửi Giấy mời họp ĐHĐCĐ; Chương trình họp và các tài liệu phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;    2. Xác định thời gian và địa điểm đại hội;    3. Thông báo cho tất cả các cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin hợp lý về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội.    4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của cổ đông chậm nhất 10 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông.    5. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.       1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 23.4 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 3 ngày trước khi bắt đầu họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải ghi rõ họ và tên cổ đông, số lượng, loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.       2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 2 của điều này nếu :          1. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn;          2. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 06 tháng trở lên;          3. Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết;          4. Vấn đề đề xuất không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.       3. Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo một nghị quyết | Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông  1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.  2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:  a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;  b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;  c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;  d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;  e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;  f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;  g. Các công việc khác phục vụ đại hội.  3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:  a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;  b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;  c. Phiếu biểu quyết;  d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;  e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.  4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.  5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:  a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;  b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;  c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;  d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này | *Sửa đổi phù hợp với Khoản 1, Điều 137 và Khoản 7, Điều 136 LDN2014*  *Sửa đổi phù hợp Khoản 2 Điều 139 LDN 2014*  *Phù hợp Khoản 2, Điều 138 LDN. Các thông tin được rõ hơn để xác định người kiến nghị phù hợp đối chiếu với Khoản 2, Điều 138*  *Vì đã được quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 17* |
|  | **Điều 29. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.**   * + - 1. a. Đại hội đồng cổ đông do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tịch cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;   b. Trong các trường hợp khác , người ký tên triệu tập họp Đại hội cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;  c. Chủ tọa cử một người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;  d. Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu gồm một hoặc một số người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;   * + - 1. Trừ trường hợp quy định tại khỏan 3 của Điều này, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua bởi từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.   Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm sóat phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số sổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm sóat và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.   * + - 1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến lọai cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh ; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty ; Tổ chức lại, giải thể công ty ; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty phải được thông qua bởi từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.       2. Các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.       3. Nếu triệu tập lần thứ nhất không đạt tỷ lệ thì triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc và phải có ít nhất số cổ đông tham dự đại diện cho 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.       4. Nếu triệu tập lần thứ hai vẫn không đạt được tỷ lệ quy định thì triệu tập lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc và lần này không phụ thuộc vào số lượng cổ đông dự họp | **Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**  1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.  2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.  3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng [ba mươi (30)] phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng [hai mươi (20)] ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.  4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.  Điều 21. Thông qua Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông  1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành, hoặc từ 51% trở lên tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản :  a. Thông qua báo cáo tài chính năm;  b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;  c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.  d. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ.  e. Các vấn đề, nghị quyết, quyết định khác.  2. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.  Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.  3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các vấn đề sau đây được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành, hoặc từ 65% trở lên tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản :  a. Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán;  b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;  c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;  d. Giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán;  đ. Việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp.  4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định. | *Điều 29 được tách thành 2 Điều để phù hợp trình tự và nội dung gồm:*  *1.Điều 19. Các điều kiện tiến hành*  *2.Điều 21. Thông qua Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông*  *Sửa đổi cho phù hợp Khoản 2 Điểu 148 LDN 2014*   * + - 1. *Điế*   *u 19. Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ* |
|  | **Điều 31.Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.**   1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khơng sớm hơn 5 ngày trước ngày gửi Giấy mời họp ĐHĐCĐ. 2. Danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ tên, địa chỉ thường trú đối với cá nhân; Tên, trụ sở đối với tổ chức; Số lượng cổ phần mỗi loại của từng cổ đông. 3. Mỗi cổ đông đều có quyền được cung cấp các thông tin có liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. 4. Cổ đông và nhóm cổ đông đại diện cho trên 10% cổ phần của Công ty trong 6 tháng liên tiếp có quyền yêu cầu được xem danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. | **Nội dung này đã được quy định tại Điều 12. Quyền của cổ đông và Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông** |  |
|  | **Điều 32. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.**  Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo qui định tại khoản 4 Điều 15 của Luật Doanh nghiệp 2014 thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.  Việc chỉ định đại diện được ủy quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu mà Hội đồng quản trị chấp thuận và :  Trường hợp là cá nhân thì phải được ký bởi người ủy quyền và người được ủy quyền dự họp.  Trường hợp là Công ty thì phải được người được ủy quyền hợp lệ của Công ty đó ký và đóng dấu.  Việc ủy quyền được thực hiện cho từng vụ, việc. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác. Người ủy quyền có thể thu hồi sự ủy quyền bằng văn bản gởi Hội đồng quản trị chậm nhất 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. | **Nội dung này đã được quy định tại Điều 16. Đại diện theo ủy quyền.** |  |
|  | **Không quy định.** | **Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**  1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.  2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết/bầu cử của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay số phiếu không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, tổng số phiếu không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó hoặc trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ.  3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/ bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/ bầu cử trước đó không thay đổi.  4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.  Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ toạ cuộc họp.  5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.  6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.  7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.  8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.  9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:  a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;  b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;  c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.  Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.  10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:  a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);  b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;  Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.  11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.  12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | *Sửa đổi phù hợp Điều 142 LDN2014* |
|  | **Điều 33. Thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông.**   1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. 2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên Đại diện được ủy quyền và số phiếu của cổ đông đó. Việc biểu quyết tại Đại hội được tiến hành bằng cách thu số thẻ ủng hộ nghị quyết trước, thu số thẻ phản đối nghị quyết đó sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành hay phản đối một vấn đề, hoặc bỏ phiếu trắng sẽ được chủ tọa thông báo ngay sau khi việc biểu quyết được tiến hành. Đại hội sẽ tự chọn trong số cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có mặt những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu. Nếu Đại hội không chọn thì Chủ tọa của Đại hội sẽ chọn những người đó.    1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận ; các trường hợp sau phải được 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp chấp thuận :    * Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại ;    * Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh ;    * Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty ;    * Tổ chức lại, giải thể Công ty ;    * Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.   **33.4.** Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.   * 1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả cổ đông.   2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết cĩ thể thay thế bằng việc đăng tải ln trang thơng tin điện tử của cơng ty | **Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Quyết định/Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.**  Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định/nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:  1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định/nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông các vấn đề sau đây:  a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;  b. Định hướng phát triển công ty;  c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;  d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;  đ. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;  e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;  f. Tổ chức lại, giải thể công ty  g. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;  h. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;  i. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.  2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định/nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định/nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.  3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:  a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;  b. Mục đích lấy ý kiến;  c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của cổ đông;  d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;  đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;  e. Phương án bầu cử (nếu có);  f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;  g. Thời hạn kiểm phiếu;  h. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.  4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.  5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:  a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;  b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.  Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.  6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:  a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;  b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định/nghị quyết;  c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;  d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên;  e. Các vấn đề đã được thông qua;  g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.  Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.  7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.  8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, quyết định/nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.  9. Quyết định/Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo Điều 21 và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. | *Quy định để phù hợp Điều 143, 145 LDN 2014* |
|  | **Điều 35. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**   * + - 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau : * Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông. * Chương trình làm việc. * Chủ tọa và thư ký. * Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông. * Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, số phiếu chấp thuận, số phiếu không chấp thuận và số phiếu trắng, các vấn đề đã được thông qua. * Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp. * Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết. * Họ tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.   + - 1. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp, và được gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày sau khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Các biên bản này được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đó trừ khi có ý kiến phản đối được đưa ra một cách hợp lệ về nội dung biên bản trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi những biên bản đó đi.       2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được lập bằng tiếng Việt, được chủ tọa Đại hội và thư ký ký xác nhận và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty. | **Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**  1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:  a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;  b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đổng cổ đông;  c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;  d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;  e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;  f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lụ danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;  g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;  h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;  i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.  Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.  2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.  3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.  4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.  5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. | *Sửa đổi cho phù hợp Khoản 1, Điều 146 LDN2014* |
|  | **Điều 34. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**  Trong thời hạn 90 ngày (chín mươi), kể từ ngày quyết định được thông qua, các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Công ty có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau :   * + - Trình tự và thủ tục triệu tập ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo qui định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.     - Nội dung quyết định vi phạm qui định pháp luật hoặc điều lệ Công ty. | **Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**  Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:  1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.  2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.  Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. | *Sửa đổi cho phù hợp Phù hợp Điều 147 LDN 2014* |
|  | **Điều 36. Thành phần và nhiệm kỳ**   1. Thành viên của Hội đồng quản trị có 5 người do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc bãi miễn. Nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 5 năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.   Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới được bầu và tiếp quản công việc.  Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT.   1. Cơ quan đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần quyết định cử người tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị để làm nhiệm vụ là người trực tiếp quản lý phần vốn Nhà nước trong Công ty cổ phần. 2. Hội đồng quản trị bầu và bãi miễn Chủ tịch Hội đồng quản trị theo thể thức đa số phiếu – quá bán (mỗi thành viên HĐQT có một phiếu bầu). Việc bầu có thể tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu hoặc biểu quyết. 3. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty nhưng không được làm thành viên Ban Kiểm soát. 4. Các thành viên Hội đồng quản trị trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình phải thực hiện các nghĩa vụ theo Điều 159 và 160 của Luật Doanh nghiệp 2014 và các văn bản pháp luật liên quan. 5. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.   **Điều 38. Điều kiện ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.**  **38.1.** Người ứng cử vào HĐQT phải là người có các điều kiện sau :  - Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo qui định của Luật Doanh nghiệp.  - Có trình độ Đại học, có chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.  - Cổ đông sở hữu trên 5% tổng số cổ phần của Công ty trong thời hạn liên tục 6 tháng trở lên, hoặc người đại diện theo ủy quyền để ứng cử thành viên Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần trên 10% tổng số cổ phần của Công ty.  - Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được là thành viên Hội đồng quản trị hoặc đương nhiệm các chức danh quản lý doanh nghiệp của đối thủ cạnh tranh. Ngoại trừ trường hợp những người do Nhà nước cử đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty, những người do Công ty cử đại diện vốn tại doanh nghiệp khác mà Công ty có góp vốn.  **38.2.** Điều kiện đề cử thành viên Hội đồng quản trị :   * Mỗi cổ đông nắm giữ trên 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian từ 06 tháng liên tục trở lên có quyền đề cử một ứng viên vào Hội đồng quản trị. Những cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian từ 06 tháng liên tiếp trở lên có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Hội đồng quản trị. Nếu tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của họ nằm trong khoảng từ trên 10% đến dưới 30% thì họ được đề cử 01 người ; nếu từ 30% đến dưới 50% họ được đề cử 02 người ; từ 50% đến dưới 70% được đề cử 03 người và trên 70% được đề cử 04 người. Trường hợp đề cử tại Đại hội đồng cổ đông thành lập thì không ràng buộc thời hạn sở hữu cổ phiếu. * Người được đề cử phải có đủ điều kiện như tại khoản 38.1 Điều này. * Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.   **Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.**   1. Một thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau :    * 1. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị nữa theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị Luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị ;      2. Thành viên có gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty ;      3. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. 2. Nếu Hội đồng quản trị không còn đủ 2/3 số thành viên thì HĐQT phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong vòng 60 ngày. Trong các trường hợp bị khuyết khác sẽ do cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất bầu thành viên mới ; Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực cho đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được ĐHĐCĐ chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra ĐHĐCĐ có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực. 3. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo trên ít nhất 2 tờ báo chính thức được nhiều người biết đến tại Việt Nam trong vòng 5 ngày kể từ ngày bổ nhiệm | **Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**  1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:  a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;  b. Trình độ học vấn;  c. Trình độ chuyên môn;  d. Quá trình công tác;  e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;  f. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);  g. Các thông tin khác (nếu có).  2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% trở lên được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên.  3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.  **Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**  1. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị là bảy (07) người do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc bãi miễn. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.  Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới được bầu và tiếp quản công việc.  Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.  2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:  Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.  3. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:  a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;  b. Có trình độ Đại học;  c. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được là thành viên Hội đồng quản trị hoặc đương nhiệm các chức danh quản lý doanh nghiệp của đối thủ cạnh tranh. Ngoại trừ trường hợp do Công ty cử đại diện vốn tại doanh nghiệp khác mà Công ty có góp vốn.  4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:  a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;  b. Có đơn từ chức và được Hội đồng quản trị Công ty chấp thuận;  c. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục mà không có lý do chính đáng;  d. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;  e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.  5. Nếu Hội đồng quản trị không còn đủ 2/3 số thành viên thì HĐQT phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong vòng 60 ngày. Trong các trường hợp bị khuyết khác có thể sẽ do cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất bầu thành viên mới;  Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.  6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty | *Sửa lại cho phù hợp Điều 11 Nghị định 71*  *Sửa đổi phù hợp Điều 13 Nghị định 71*  *Sửa đổi phù hợp Điều 156 LDN 2014* |
|  | **Điều 25: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**   * + 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.     2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác trong quá trình họ thực thi nhiệm vụ và các nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc theo qui định của Điều lệ Công ty.     3. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy chế nội bộ của Công ty quy định. Trong đó, có những quyền hạn và nhiệm vụ chủ yếu sau đây :  1. Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các mục tiêu và chiến lược phát triển Công ty; 2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc ; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc; 3. Quyết định mức lương, tiền thưởng và các lợi ích khác cho Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; 4. Đề xuất các loại và tổng số cổ phiếu từng loại phát hành; Phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; 5. Quyết định giá chào bán bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi; Định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền; 6. Kiến nghị mức cổ tức được trả để Đại hội đồng cổ đông quyết định, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức; 7. Xem xét việc chuyển nhượng các cổ phần của các cổ đông sáng lập. 8. Quyết định thành lập Công ty thành viên hoặc các văn phòng đại diện của Công ty; việc góp vốn, mua cổ phần của đơn vị khác ; 9. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần đã bán của từng loại; 10. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; 11. Thông qua Hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách kế toán của Công ty tại thời điểm gần nhất; Qui định này không áp dụng đối với Hợp đồng và giao dịch qui định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2014; 12. Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông về việc bổ sung hoặc sửa đổi Điều lệ Công ty, việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty ; 13. Quyết định phương án đầu tư, trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật, máy móc thiết bị có mức đầu tư trên 30% vốn điều lệ của Công ty ; 14. Trình Báo cáo tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông. 15. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để ĐH đồng cổ đông thông qua quyết định. 16. Chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, những sai phạm trong quản lý gây ra thiệt hại cho Công ty.     * 1. Quyền lợi của Hội đồng quản trị :     1. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao do Đại hội cổ đông quyết định theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT.     2. Các chi phí hoạt động và thù lao của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí quản lý Công ty.     3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ bất kỳ một chức vụ điều hành nào của Công ty sẽ được trả lương và phụ cấp tương ứng với chức vụ đó | **Điều 27: Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**  1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.  2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:  a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;  b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;  c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc. Quyết định mức lương cho Tổng Giám đốc; quyết định mức lương Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng theo đề xuất của Tổng Giám đốc;  d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;  e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;  f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;  g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;  h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;  i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;  j. Kiến nghị mức cổ tức hàng năm và quyết định mức cổ tức tạm ứng trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;  k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;  l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;  m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;  n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;  o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;  p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).  3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:  a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;  b. Thành lập các công ty con của Công ty;  c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;  d. Quyết định phương án đầu tư, trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật, máy móc thiết bị có mức đầu tư từ trên 3% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Công ty;  e. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;  f. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;  g. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;  h. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;  i. Việc vay nợ của Công ty.  4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.  **Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**  1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.  2. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.  3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.  4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị | *Sửa đổi phù hợp Khoản 1 Điều 149 LDN 2014*  *Sửa đổi phù hợp Khoản 2 Điều 149 LDN 2014*  *Sửa lại cho phù hợp với Điểm a, Khoản 1, Điều 37 NĐ58-2012*  *Sửa đổi phù hợp Điều 155, Khoản 3 Điều 158 Luật DN* |
|  | **Điều 40. Chủ tịch Hội đồng quản trị**   * + - * 1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng Giám đốc Công ty khi được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.         2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được HĐQT bầu hoặc bãi miễn với đa số phiếu (quá bán) theo thể thức trực tiếp bỏ phiếu hoặc biểu quyết, mỗi thành viên HĐQT có một lá phiếu bầu.         3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây :   Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;  Chuẩn bị chương trình nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;  Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị dưới hình thức khác;  Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông.   * + - * 1. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì ủy quyền cho Phó Chủ tịch HĐQT thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên HĐQT còn lại chọn một người trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị. | **Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị**  1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu một Chủ tịch và các Phó Chủ tịch (nếu có)...  2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.  3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.  4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch HĐQT thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.  5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày. | *Sửa đổi phù hợp Điều 152 LDN 2014* |
|  | **Điều 41. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**   1. **Các cuộc họp Thường kỳ**: Chủ tịch của Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 7 ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một lần.   **Các cuộc họp bất thường :** Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào khi một trong số các đối tượng sau đây đề nghị bằng một văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn :   * 1. Tổng Giám đốc điều hành;   2. Ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên;   3. Hai thành viên trong Ban kiểm soát.   **Địa điểm họp :** Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa điểm đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở tại Việt Nam theo đề nghị của Chủ tịch hội đồng quản trị và được sự nhất trí của đa số (quá bán) thành viên Hội đồng quản trị.  **Thông báo và chương trình họp :** Các cuộc họp phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên Hội đồng 5 ngày trước khi tổ chức. Thông báo về cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ phải được làm bằng văn bản bằng tiếng Việt bao gồm nội dung chương trình họp, thời gian, địa điểm và kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và cả các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.  **Số thành viên tham dự tối thiểu :** Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.  **Biểu quyết :** Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng sẽ có một phiếu biểu quyết.  **Biểu quyết đa số :** Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng có mặt (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, Chủ tịch sẽ là người có lá phiếu quyết định.  Biên bản cuộc họp : Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi. Các biên bản sẽ phải được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp. | **Điều 30.** **Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**  1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị  2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.  3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:  a. Ban kiểm soát;  b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;  c. Ít nhất hai (02) thành viên của Hội đồng quản trị;  4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều 30. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.  5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.  6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.  7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.  Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.  8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.  Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.  9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:  a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;  b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.  Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.  Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.  10.Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.  11. Biểu quyết  a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều 30 trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;  b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;  c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;  d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 39 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;  e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.  12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.  13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.  14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.  15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. | *Sửa đổi phù hợp Khoản 1 Điều 153 LDN 2014* |
|  |  | **VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY** |  |
|  | **Điều 46.** **Bộ máy điều hành Công ty**  Bộ máy điều hành Công ty gồm có :   1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc để điều hành Công ty, Tổng Giám đốc giới thiệu các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trình Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Thành viên Hội đồng quản trị được kiêm nhiệm các chức danh quản lý Công ty. 2. Tổng Giám đốc là người điều hành Công ty, trực tiếp chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc tổ chức, quản lý, điều hành toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực được giao. 3. Giúp cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty. Phó Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về các phần việc được phân công hoặc ủy nhiệm. 4. Các Giám đốc, Phó Giám đốc chuyên môn hoặc trưởng, phó phòng ban nghiệp vụ; Giám đốc, Phó Giám đốc bộ phận hoặc các đơn vị trực thuộc có chức năng tham mưu giúp việc cho Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành Công ty và điều hành các bộ phận trực thuộc. 5. Lương, phụ cấp lương của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị quyết định theo quy chế lao động, tiền lương, phụ cấp, thưởng phạt trong Công ty đã được Hội đồng quản trị quyết định. 6. Nếu Tổng Giám đốc Công ty không phải là thành viên Hội đồng quản trị thì chế độ làm việc căn cứ theo hợp đồng lao động. 7. Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình phải thực hiện các nghĩa vụ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2014 | **Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý**  Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh của Công ty. Người điều hành của Công ty là Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.  **Điều 32. Người điều hành doanh nghiệp**  1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.  2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc | *Sửa đổi theo định nghĩa của NĐ71*  *Sửa đổi theo định nghĩa của NĐ71* |
|  | **Điều 47. Tổng Giám đốc**   * + 1. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động Sản xuất kinh doanh của Công ty, thay mặt Công ty ký kết tiến hành các giao dịch dân sự, pháp luật với các cơ quan nhà nước và các đơn vị kinh tế đối tác khác.     2. Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và ủy nhiệm các quyền hạn cần thiết để thi hành các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quyết định của Hội đồng quản trị.   Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 5 năm ; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.  Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc áp dụng theo Điều 65 của Luật Doanh nghiệp 2014.  Tổng Giám đốc Công ty không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác.   * + 1. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm Tổng Giám đốc thì Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Tổng Giám đốc từ một trong số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác.     2. Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc có thể bị cách chức hoặc bãi miễn trong các trường hợp :        - Chết hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.        - Từ chức và được Hội đồng quản trị xem xét chấp thuận.        - Tự ý bỏ nhiệm sở hoặc điều hành Công ty vi phạm pháp luật, Điều lệ của Công ty và các quyết định của Hội đồng quản trị, của Đại hội đồng cổ đông.        - Xét thấy không đủ năng lực để đảm nhiệm các chức vụ điều hành Công ty.        - Trở thành đối tượng bị hạn chế quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo luật định.     3. Việc cách chức, bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc phải được sự nhất trí của 2/3 thành viên Hội đồng quản trị.     4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc :     5. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.     6. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.     7. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với các chức danh quản lý trong Công ty thuộc thẩm quyền trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.     8. Quyết định lương, phụ cấp (nếu có), thưởng, phạt và các chế độ phúc lợi đối với người lao động trong Công ty, kể cả các cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.     9. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch, chương trình hành động và các phương án bảo vệ, cạnh tranh, khai thác nguồn lực của Công ty, các phương án huy động vốn cho Công ty để trình Hội đồng quản trị.     10. Chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước và lập phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận còn lại của Công ty để đệ trình Hội đồng quản trị.     11. Được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp chính đáng và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, nhưng phải báo cáo ngay cho HĐQT để quyết định tiếp.     12. Được quyền từ chối thi hành và bảo lưu ý kiến đối với các quyết định của HĐQT nếu thấy trái pháp luật, trái qui định của Nhà nước và báo cáo giải trình ngay với HĐQT và Ban kiểm soát bằng văn bản.     13. Trong phạm vi quyền hạn của mình, Tổng Giám đốc có trách nhiệm ban hành các Quy chế của Công ty, ký quyết định thành lập các đơn vị phụ thuộc nhằm đảm bảo công tác quản lý điều hành và hoạt động của Công ty có hiệu quả.     14. Được quyền tuyển dụng, điều chuyển, kỷ luật và cho thôi việc các nhân viên và cán bộ quản lý trong Công ty thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc theo Luật lao động và quy chế công ty.     15. Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng ; tư vấn cho HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác trong Hợp đồng lao động của họ. Phân công và ủy nhiệm Phó Tổng Giám đốc phụ trách từng lĩnh vực hoạt động.     16. Chuẩn bị đầy đủ các báo cáo theo chương trình nghị sự Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát yêu cầu.     17. Đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp bất thường để giải quyết những vấn đề vượt quá quyền hạn của Tổng Giám đốc hoặc những biến động lớn trong Công ty.     18. Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn khác do HĐQT ủy nhiệm.   **Điều 48. Từ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc**   1. Khi Tổng Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi cho Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị xem xét và quyết định. 2. Khi Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải cử ngay một người có đủ điều kiện để đảm nhận công việc Tổng Giám đốc. Trong thời hạn tối đa 30 ngày, Hội đồng quản trị phải tìm người thay thế và tiến hành thủ tục để bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.   **Điều 49. Ủy nhiệm, ủy quyền**   1. Tổng Giám đốc Công ty có thể ủy nhiệm cho các Phó Tổng Giám đốc hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm về việc ủy nhiệm, ủy quyền của mình. 2. Người được Tổng Giám đốc ủy nhiệm, ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước Pháp luật về những công việc mình làm và không được ủy nhiệm, ủy quyền lại cho người khác. 3. Mọi sự ủy nhiệm, ủy quyền liên quan đến con dấu Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản. | Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc  1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.  2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.  3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:  a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;  b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất và để đạt hiệu quả cao nhất;  c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản trị nội bộ của Công ty;  d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;  e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;  f. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.  g. Quyết định tiền lương, thưởng, phạt và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.  h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh. Chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước và lập phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận còn lại của Công ty để đệ trình Hội đồng quản trị.  i. Được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp chính đáng và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, nhưng phải báo cáo ngay cho HĐQT để quyết định tiếp.  j. Được quyền từ chối thi hành và bảo lưu ý kiến đối với các quyết định của HĐQT nếu thấy trái pháp luật, trái qui định của Nhà nước và báo cáo giải trình ngay với HĐQT và Ban kiểm soát bằng văn bản.  k. Trong phạm vi quyền hạn của mình, Tổng Giám đốc có trách nhiệm ban hành các Quy chế của Công ty, ký quyết định thành lập các đơn vị phụ thuộc nhằm đảm bảo công tác quản lý điều hành và hoạt động của Công ty có hiệu quả.  l. Được quyền tuyển dụng, điều chuyển, kỷ luật và cho thôi việc các nhân viên và cán bộ quản lý trong Công ty thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc theo Luật lao động và quy chế công ty.  m. Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; tư vấn cho HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác trong Hợp đồng lao động của họ. Phân công và ủy nhiệm Phó Tổng Giám đốc phụ trách từng lĩnh vực hoạt động.  o. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Cơng ty.  4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.  5. Khi Tổng Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi cho Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị xem xét và quyết định.  6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành. Khi Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải cử ngay một người có đủ điều kiện để đảm nhận công việc Tổng Giám đốc. Trong thời hạn tối đa 30 ngày, Hội đồng quản trị phải tìm người thay thế và tiến hành thủ tục để bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới. | *Sửa đổi phù hợp Khoản 3, Điều 158 LDN2014*  *Sửa đổi phù hợp với Khoản 2 Điều 157 LDN2014*  *Sửa đổi phù hợp Khoản 3 Điều 157 LDN 2014* |
|  | **Không quy định** | **Điều 34. Thư ký Công ty**  Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tuyển dụng hoặc bổ nhiệm 1 Thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:  1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;  2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;  3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;  4. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;  5. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;  6. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty  Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.. |  |
|  | **Điều 42.** **Kiểm soát viên**   1. Kiểm soát viên là những người thay mặt cổ đông để kiểm soát hoạt động của Công ty. 2. Ban kiểm soát có 03 thành viên. 3. Trưởng ban kiểm soát do các Kiểm soát viên bầu hoặc bãi miễn với đa số phiếu (quá bán) bằng thể thức trực tiếp bỏ phiếu hoặc biểu quyết. 4. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên có cùng nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị và có thể kéo dài 90 ngày để giải quyết các tồn đọng trong trường hợp đặc biệt. Các kiểm soát viên có thể được bầu lại. 5. Trong nhiệm kỳ, nếu khuyết một kiểm soát viên thì Hội đồng quản trị chỉ định tạm thời một cổ đông làm kiểm soát viên thay thế. Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất phải bầu bổ sung cho đủ tổng số. Trong nhiệm kỳ, nếu khuyết 2 kiểm soát viên trở lên thì Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung. 6. Ban kiểm soát bầu một thành viên làm trưởng ban ; Trưởng ban kiểm soát phải là người có chuyên môn về kế toán. 7. Mỗi cổ đông nắm giữ trên 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian từ 06 tháng liên tục trở lên có quyền đề cử một ứng viên vào Ban kiểm soát. Những cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian từ 06 tháng liên tiếp trở lên có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Nếu tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của họ nằm trong khoảng từ trên 10% đến dưới 30% thì họ được đề cử 01 người ; nếu từ 30% đến dưới 50% họ được đề cử 02 người ; từ 50% đến dưới 70% được đề cử 03 người và trên 70% được đề cử 04 người. Trường hợp đề cử tại Đại hội đồng cổ đông thành lập thì không ràng buộc thời hạn sở hữu cổ phiếu. 8. Thù lao và các chi phí công tác phát sinh hợp lý của các thành viên Ban kiểm soát được tính vào chi phí hoạt động của Công ty   **Điều 43. Tiêu chuẩn lựa chọn Kiểm soát viên**   1. Là cổ đông của Công ty hoặc có thể không phải là cổ đông của Công ty, sở hữu hoặc đại diện theo ủy quyền để ứng cử thành viên Ban kiểm soát của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần trên 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trong khoảng thời gian từ 6 tháng liên tục trở lên. Trường hợp ứng cử tại Đại hội đồng cổ đông thành lập thì không ràng buộc thời hạn sở hữu cổ phiếu. 2. Có văn bằng đại học cùng với ngành nghề kinh doanh và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm phù hợp với lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty. 3. Có đủ năng lực pháp lý, năng lực hành vi và có phẩm chất đạo đức. 4. Ban kiểm soát phải có ít nhất 1 thành viên có bằng cử nhân chuyên ngành kế toán, kiểm toán, luật. 5. Những người không được làm Kiểm soát viên : theo Điều 164 Luật Doanh nghiệp 2014. 6. Các thành viên ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của công ty.   **Điều 44. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**   * + 1. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị tòa án tước quyền hành nghề vì vi phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật.     2. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty.     3. Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi ;     4. Thành viên đó vắng mặt liên tục trong vòng 6 tháng không tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát trong thời gian đó mà không được phép của Ban kiểm soát.     5. Thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.   Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế. | **Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên**  1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này  2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.  **Điều 36. Kiểm soát viên**  1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm tương ứng với nhiệm kỳ của Ban kiểm soát và có cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp có Kiểm soát viên được bầu bổ sung hoặc thay thế Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của Kiểm soát viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban kiểm soát.  2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, và các điều kiện sau:  a. Có văn bằng đại học;  b. Có đủ năng lực pháp lý, năng lực hành vi và có phẩm chất đạo đức ;  3. Kiểm soát viên không thuộc các trường hợp sau:  a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;  b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.  3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:  a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;  b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;  c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.  4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:  a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;  b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;  c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;  d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.  5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:  a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;  b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;  c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;  d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này. | *Căn cứ Điều 19 NĐ71*  *Căn cứ Khoản 2, Điều 20 NĐ71*  Sửa đổi phù hơp với Khoản 1, 2 Điều 163 & Khoản 1 Điều 164 LDN2014  *Sửa đổi phù hợp Điều 169 LDN 2014* |
|  | **Điều 45. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát**   * + - 1. Ban kiểm soát và thành viên của Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165, 166, 168 của Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau :   1. Kiểm tra, kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính;   2. Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của công ty, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp 2014;   3. Thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;   4. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;   5. Lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;   6. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;   7. Kiểm tra báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quí trước khi trình Hội đồng quản trị;   8. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên muốn bàn bạc;   9. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;   10. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban quản lý.   11. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty khi thực thi nhiệm vụ. Thành viên Ban Kiểm sóat có trách nhiệm công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 118 Luật doanh nghiệp 2005.       + 1. **Trưởng Ban kiểm soát có quyền và trách nhiệm sau :**         2. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban kiểm soát ;         3. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát ; và         4. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã thông qua Ban kiểm soát và tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông | **Điều 37. Ban kiểm soát**  1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:  a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;  b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;  c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;  d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;  e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.  f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.  2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.  3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.  4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát | *Sửa đổi cho phù hợp*  *Sửa đổi cho phù hợp với Điều 166 LDN 2014*  *Sửa đổi phù hợp với Khoản 1 Điều 23 NĐ71*  *Sửa đổi phù hợp với Khoản 1 Điều 167 LDN 2014* |
|  |  | **X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC** |  |
|  | **Không quy định.** | **Điều 38. Trách nhiệm cẩn trọng**  Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty. |  |
|  | **Không quy định.** | **Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**  1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.  2. . Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.  3. . Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.  4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.  5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây :  a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;  b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;  c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.  Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên,Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan. | *Quy định để phù hợp Điều 159 LDN 2014*  *Quy định để phù hợp Điểm h Khoản 2 Điều 149 LDN 2014* |
|  | **Không quy định** | **Điều 40**.**Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**  1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.  2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.  3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:  a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;  b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.  4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên. | *Quy định để phù hợp với Thông tư 95* |
|  |  | **Điều 41.** **Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**  1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.  2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.  3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.  4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. | *Quy định để phù hợp với Thông tư 95* |
|  | **Không quy định** | **Điều 42. Công nhân viên và công đoàn**  1. Tổng giám đốc báo cáo hàng năm cho Hội đồng quản trị về các vấn đề liên quan đến người lao động và người điều hành doanh nghiệp.  2. Tổng giám đốc báo cáo hàng năm cho Hội đồng quản trị về các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành. | *Quy định để phù hợp với Thông tư 95* |
|  | **Điều 50. Tuyển dụng, thôi việc, sát hạch, nhận xét lao động**   1. Người lao động làm việc tại Công ty phải qua kỳ sát hạch tuyển dụng công khai và phải có Hội đồng tuyển chọn, gồm những nhà quản trị có kinh nghiệm, để thực hiện công việc thẩm tra và xét tuyển. 2. Người lao động làm việc tại Công ty phải qua kỳ sát hạch để đánh giá năng lực, trình độ nhằm nâng cao chất lượng lao động và là cơ sở để điều chỉnh quyền lợi cho người lao động. 3. Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày sát hạch, người đứng đầu về công tác nghiệp vụ lao động phải có bản tổng hợp nhận xét đánh giá từng người lao động trình Tổng Giám đốc. 4. Thực hiện tuyển dụng, cho thôi việc phải phù hợp với Luật lao động và thỏa thuận trong hợp đồng lao động. | **Không quy định** |  |
|  | **Điều 51. Nghĩa vụ, quyền lợi của người lao động**   * + 1. **Nghĩa vụ của người lao động :**        - Người lao động có nghĩa vụ thực hiện đúng theo Luật lao động và nội qui, qui chế của Công ty.        - Người lao động có nghĩa vụ bảo vệ lợi ích của Công ty; không xâm phạm đến tài sản của Công ty; không dùng uy tín, thương hiệu của Công ty hoặc lợi dụng vị trí cá nhân trong Công ty để làm lợi cho riêng bản thân mình.        - Người lao động có nghĩa vụ đề cao tinh thần trách nhiệm, trung thực, mẫn cán, gắn bó, quan tâm đến mọi hoạt động của Công ty vì lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty.     2. **Quyền lợi của người lao động :** * Người lao động làm việc trong Công ty được đảm bảo mức lương tối thiểu và các quyền lợi khác được ghi rõ trong hợp đồng lao động. Công ty đảm bảo quyền lợi của người lao động không thấp hơn những gì mà Luật lao động và pháp luật qui định. * Người lao động làm việc trong Công ty được hưởng các ưu đãi khuyến khích học tập nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ. * Các quyền lợi khác của người lao động được đảm bảo theo qui chế của Công ty | **Không quy định** |  |
|  | **Điều 53. Trích lập quỹ và phân chia lợi nhuận**   1. **Phân chia Lợi nhuận :**   Lợi nhuận thực hiện của Công ty là phần còn lại sau khi lấy tổng doanh thu trừ đi các khoản chi phí hợp lý, các khoản thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước theo luật định.  Cuối mỗi niên độ, lợi nhuận thực hiện sau thuế TNDN của Công ty được phân chia như sau :   * + Bù lỗ cho niên độ trước (nếu có)   + Trích lập quỹ phát triển sản xuất, khen thưởng phúc lợi và các quỹ khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các qui định pháp luật hiện hành.   + Ngoài các quỹ trên, căn cứ vào kết quả kinh doanh hàng năm, có thể sẽ trích một phần lợi nhuận để bổ sung vào vốn. Mức trích do Đại hội đồng cổ đông quyết định.   + Số còn lại được chia cổ tức.  1. **Cổ tức**  * Theo quy định của Điều lệ này và theo quy định của Pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty theo mức do Hội đồng quản trị đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng thể thức bỏ phiếu. * Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán hoặc tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty. * Công ty sẽ không thanh toán bất kỳ khoản lãi nào có liên quan tới chi trả cổ tức của Công ty. * Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết của mình có thể qui định ngày 31 tháng 12 hàng năm làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Việc nhận các quyền lợi trên được thực hiện từ sau ngày này. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan. | **Điều 43. Phân phối lợi nhuận**  1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.  2. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ theo ủy quyền của Đại hội cổ đông nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty  3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.  4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.  5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.  6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.  7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật | *Quy định để phù hợp với Điều 149 LDN2014* |
|  | **Điều 52. Năm tài khóa, hệ thống kế toán và báo cáo tài chính của Công ty**   1. **Năm tài khóa**    * Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 cùng năm.    * Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó. 2. **Hệ thống kế toán**    * Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là hệ thống Kế Toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.    * Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.    * Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. 3. **Báo cáo tài chính**    * Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan có thẩm quyền ; Trường hợp có Công ty con thì phải gửi kèm theo bản sao có công chứng báo cáo tài chính cùng năm của Công ty con.    * Các báo cáo tài chính này được trình bày tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Sau Đại hội đồng cổ đông, các báo cáo cùng với biên bản họp Đại hội được lưu tại trụ sở của Công ty trong vòng 10 năm liền | Điều 45. Năm tài chính  Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.  Điều 46. Chế độ kế toán  1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.  2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.  3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.    Điều 47. Báo cáo tài chính năm  1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 49 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.  2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.  3. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.  4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp. | *Quy định để phù hợp Thông tư 95* |
|  | **Không quy định** | Điều 44. Tài khoản ngân hàng  1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.  2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.  3. Công ty có thể tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản. |  |
|  | **Không quy định** | Điều 48. Báo cáo thường niên  Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán | *Quy định để phù hợp Thông tư 95* |
|  | **Không quy định** | **Điều 49. Kiểm toán**  1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.  2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.  3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.  4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. | *Quy định để phù hợp điều 44 LDN 2014* |
|  | Điều 59. Con dấu   * 1. Con dấu chính thức của Công ty sẽ được khắc theo quy định của Pháp luật.   2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.   3. Tất cả văn bản của Công ty khi phát hành chính thức phải đóng dấu Công ty trên các chữ ký của một trong các chức danh sau : Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Công ty hoặc các viên chức quản lý Công ty được Tổng Giám đốc ủy quyền. Chữ ký các chức danh khác trong công ty không được sử dụng con dấu. | Điều 50. Con dấu  1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.  2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành. | *Quy định để phù hợp điều 44 LDN 2014* |
|  | **Điều 55: Giải thể**   1. Công ty cổ phần FAHASA giải thể trong các trường hợp sau :    * Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.    * Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.    * Các trường hợp khác do pháp luật qui định. 2. Trình tự và thủ tục giải thể thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp | **Điều 51: Chấm dứt hoạt động**  1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:  a. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;  b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;  c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.  2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định. | *Sửa đổi phù hợp điều 201 LDN 2014* |
|  | **Điều 54. Tổ chức lại**   1. Khi cần thiết, Công ty có thể được tổ chức lại bằng các phương thức sau :    * Chấm dứt tồn tại Công ty để tách thành các công ty mới cùng loại hoặc có một phần chức năng hoạt động.    * Công ty chấm dứt sự tồn tại để hợp nhất với một hoặc một số công ty khác hình thành một công ty mới.    * Công ty chấm dứt sự tồn tại để sáp nhập vào một công ty khác hoặc tiếp tục tồn tại nhưng đặt dưới sự tiếp nhận của công ty khác.    * Chuyển đổi hình thức công ty cổ phần sang hình thức doanh nghiệp khác theo Luật doanh nghiệp. 2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuẩn bị các phương án tổ chức lại Công ty và trình ĐHĐCĐ quyết định. | **Không quy định riêng thành Điều do các nội dung đã được quy định tại các điều có liên quan.** |  |
|  | **Điều 56. Thanh lý**   * + - 1. Khi có quyết định chấm dứt hoạt động, Hội đồng quản trị sẽ thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Trong đó, hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.       2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời gian đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.       3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau: * Các chi phí thanh toán; * Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên; * Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà Nước; * Các khoản vay (nếu có); * Các khoản nợ khác của Công ty; * Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ trên sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước. | **Điều 52. Thanh lý**  1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.  2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.  3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:  a. Các chi phí thanh lý;  b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;  c. Nợ thuế;  d. Các khoản nợ khác của Công ty;  e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước (nếu có). | *Sửa đổi phù hợp Khoản 5, Khoản 6 Điều 202 LDN 2014* |
|  | **Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ**   * + 1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác, quy định hành chính khác quy định, giữa:        - Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty;        - Một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành hay Cán bộ quản lý cao cấp   thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan đến Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu, chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.   * + 1. Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài Kinh tế hoặc Tòa án Kinh tế.     2. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan đến thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà án phán quyết bên nào phải chịu. | **Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ**  1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:  a. Cổ đông với Công ty;  b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác,  Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.  2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.  3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án. |  |
|  | **Điều 61. Ngày hiệu lực**   * + - 1. Bản Điều lệ này gồm 8 chương 61 điều, được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Phát hành sách TP.HCM (FAHASA) nhất trí thông qua ngày 25 tháng 11 năm 2005, thông qua việc sửa đổi bổ sung lần 1 theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên ngày 27 tháng 3 năm 2007, thông qua việc sửa đổi bổ sung lần 2 theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên ngày 31 tháng 3 năm 2008, thông qua việc sửa đổi bổ sung lần 3 theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên ngày 21 tháng 4 năm 2009, thông qua việc sửa đổi bổ sung lần 4 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 17 tháng 4 năm 2012, thông qua việc sửa đổi bổ sung lần 5 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 9 tháng 4 năm 2013, thông qua việc sửa đổi lần 6 theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên ngày 23 tháng 5 năm 2015, thông qua việc sửa đổi lần 7 theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên ngày 20 tháng 4 năm 2016, thông qua việc sửa đổi lần 8 theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên ngày 19 tháng 4 năm 2017, và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.       2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty, có hiệu lực thi hành kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.       3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hay ít nhất quá bán số thành viên Hội đồng quản trị, mới có giá trị.       4. Toàn thể Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc và Cán bộ công nhân viên Công ty có trách nhiệm thực hiện Điều lệ này. | **Điều 55. Ngày hiệu lực**  1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 55 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phát hành sách Thành phố Hồ Chí Minh – FAHASA nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm ... tại ... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này, ngoại trừ Điều 26.1 sẽ chỉ có hiệu lực cho nhiệm kỳ kế tiếp (Nhiệm kỳ 4) của Hội đồng quản trị (2021-2025).  2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:  a. Nộp và đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định;  b. Lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.  3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.  Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. | *Sửa đổi cho phù hợp* |